2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V60ME

RANK	CURRENT AS OF NAME	YOB	10/26/2026 DIVISION	ROLLING TOTAL	V60 - FEB PLACE	2026 POINTS	V60 - APR PLACE	2026 POINTS	V60 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
1	Ameli, Sean	1960	Nevada	1720	1	400	1	400	6.5	277	2	920
2	*Depommier, Remi*	*1964*		*740*	*np*	*0*	*3*	*340*	*1*	*400*	*np*	*0*
3	Nixon, Mark	1961	Southern California	642	22	130	8	274	2	368	24	0
4	Hudson, Jeffrey	1962	Southwest Ohio	617	3	340	9	214	6.5	277	17	0
5	Hitchcock, David	1966	Virginia	508	28	118	2	368	17	140	np	0
6	Frank, Frederick	1963	Oregon	494	5	280	13	206	9	214	np	0
7	Lang, Markus	1965	N. Carolina	486	10	212	23	128	8	274	np	0
8	Suponya, Sergey	1966	New Jersey	480	17	140	np	0	3	340	np	0
9	Watrall, Rick	1961	Metro NYC	478	3	340	18	138	18	138	np	0
10	Frey, Wayne N	1966	Gateway FL	474	8	274	16	200	np	0	np	0
11	Perka, Michael F	1961	Central California	472	26	122	3	340	21	132	np	0
12	Varney, John	1960	Western Washington	412	16	200	np	0	10	212	np	0
13	Karolak, Dale W	1959	Michigan	410	12	208	np	0	15	202	np	0
14T	Ranes, Evan	1958	Nevada	408	23	128	15	202	13	206	np	0
14T	Poppre, Michael N	1962	Arizona	408	43	60	6	278	22	130	np	0
14T	Wormack, Anthony	1965	Capitol	408	np	0	5	280	23	128	np	0
17	Pavlovich, Robert	1959	Long Island	341	38	65	7	276	np	0	np	0
18	Ellington, Jeff B	1959	Oregon	340	np	0	np	0	3	340	np	0
19T	Gillham, Timothy A	1964	Wisconsin	338	15	202	26	122	19	136	np	0
19T	Yakimenko, Andrei	1967	Philadelphia	338	np	0	np	0	np	0	np	0
21	Beck, Brian C	1964	Central CA	336	13	206	22	130	46	57	np	0
22	Gregory, Dean	1966	Gulf Coast	324	34	69	14	204	27	120	np	0
23	Walting, Paul	1962	New England	283	9	214	34	69	np	0	np	0
24T	Lingvay, Laurance S	1963	Central FL	280	11	210	33	70	np	0	np	0
24T	O'Loughlin, Chris S	1967	Metro NYC	280	np	0	np	0	np	0	np	0
26	Ochs, Bradley	1961	Michigan	278	6	278	np	0	np	0	np	0
27	Loeffler, Carl	1964	Southern California	274	18	138	19	136	20	134	np	0
28	Evans, Allen L	1959	Virginia	262	19	136	37	66	24	126	np	0
29	Delgado Jr., Eli M	1961	Nevada	260	24	126	20	134	32	110	np	0
30	*Bolduc, Patrice*	*1966*	*CAN*	*256*	*21*	*132*	*25*	*124*	*np*	*0*	*np*	*0*
31	Brus, Brian V	1966	Oklahoma	248	29	116	21	132	np	0	np	0
32	Pierro, Roger	1962	Metropolitan NYC	236	np	0	28	118	28	118	np	0
33	Swanson, David	1962	Illinois	230	32	110	27	120	39	64	np	0
34	Baxter, David	1964	Southern CA	228	41	62	30	114	30	114	np	0
35T	Altman, Jeff H	1958	Northern CA	210	33	70	17	140	42	61	np	0
35T	Schindler, Sergey M	1961	Northern CA	210	np	0	np	0	11	210	np	0
37T	Mazzoli, Julio C	1961	Metropolitan NYC	208	np	0	12	208	np	0	np	0
37T	Speicher, Eric	1965	Southern CA	208	np	0	np	0	12	208	np	0
39	Edwards, Tim	1965	Kentucky	204	14	204	np	0	np	0	np	0
40	Baxter, Daniel J	1961	Oregon	200	np	0	np	0	16	200	np	0
41	Lipton, Michael D	1961	Northern CA	196	20	134	41	62	np	0	np	0
42	O'dowd, Andrew J	1959	Philadelphia	194	35	68	24	126	np	0	np	0
43	Coetzee, Frans	1967	New Jersey	185	np	0	np	0	np	0	np	0
44T	Baer, Bryan G	1960	Colorado	179	36	67	31	112	np	0	np	0
44T	Jensen, David	1962	Southern California	179	40	63	29	116	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V60ME

RANK	CURRENT AS OF NAME	YOB	10/26/2026 DIVISION	ROLLING TOTAL	V60 - FEB PLACE	2026 POINTS	V60 - APR PLACE	2026 POINTS	V60 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
46	Whitelock, James	1960	Connecticut	169	44	59	32	110	45	58	np	0
47	Creten, Joachim	1962	Oregon	167	31	112	np	0	48	55	np	0
48	Kertesz, Stefan	1966	Alabama	132	39	64	35	68	43	60	np	0
49	Jeffcoat, Timothy	1966	Utah-S.Idaho	126	np	0	44	59	36	67	np	0
50T	Hanahan, Thomas	1961	Indiana	124	25	124	np	0	np	0	np	0
50T	Dew, Eric	1963	Northern CA	124	np	0	np	0	25	124	np	0
52T	Hayenga, Gary M	1962	Michigan	122	50	53	np	0	34	69	np	0
52T	Rood, Alex	1965	Northern CA	122	np	0	np	0	26	122	np	0
52T	Sims, Martin	1965	Virginia	122	49	54	np	0	35	68	np	0
55T	Bowser, Hamilton	1962	Virginia	116	np	0	38	65	52	51	np	0
55T	Coletta, David	1966	Harrisburg	116	np	0	np	0	29	116	np	0
57T	Fangman, Daniel	1960	Indiana	114	30	114	np	0	np	0	np	0
57T	Kuhn, Jeffrey	1966	Minnesota	114	np	0	43	60	49	54	np	0
59	DeLong, Mike	1967	Virginia	113	np	0	np	0	np	0	np	0
60	Koerber, Christopher	1964	Central CA	112	np	0	np	0	31	112	np	0
61	Kruger, Mark	1962	Colorado	108.5	47.5	55.5	np	0	50	53	np	0
62	Nemazie, David A	1966	Maryland	67	np	0	36	67	np	0	np	0
63T	Wagman Robert	1959	Gateway FL	66	37	66	np	0	np	0	np	0
63T	Moore, Michael T	1965	Oregon	66	np	0	np	0	37	66	np	0
65	Clinefelter, Dennis S	1965	Oregon	65	np	0	np	0	38	65	np	0
66T	Ruggles, William	1959	Green Mt.	63	np	0	np	0	40	63	np	0
66T	Karnavas, William	1963	N. Carolina	63	np	0	40	63	np	0	np	0
68	Murray, Stephen D	1961	Northern CA	62	np	0	np	0	41	62	np	0
69T	Hendricks, Ron	1958	Utah-S.Idaho	61	np	0	42	61	np	0	np	0
69T	Beittel, David F	1963	Northern CA	61	42	61	np	0	np	0	np	0
71	Crouch, William John	1963	Louisiana	59	np	0	np	0	44	59	np	0
72T	Treanor, Donald	1958	National	58	45	58	np	0	np	0	np	0
72T	Rifkind, Neil	1966	Metropolitan NYC	58	np	0	45	58	np	0	np	0
74	Sette, Alessandro	1960	San Diego	56	np	0	np	0	47	56	np	0
75	Herrod, Christopher N	1965	Utah-S.Idaho	55.5	47.5	55.5	np	0	np	0	np	0
76T	Cisneros, Robert	1965	Harrisburg	52	51	52	np	0	np	0	np	0
76T	Hueske, David	1967	S. Carolina	52	np	0	np	0	np	0	np	0
78	Lonadier, Robert	1962	New England	51	52	51	np	0	np	0	np	0
79	Malloy, Christopher	1961	New Jersey	50	53	50	np	0	np	0	np	0
80	Varon, David	1967	Southern CA	45	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V60ME

CURRENT AS OF 10/26/2026	V50 - FEB PLACE	2026 POINTS	V50 - APR PLACE	2026 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
Ameli, Sean	np	0	np	0	np	0	np	0
Depommier, Remi	*np*	*0*	*np*	*0*	*np*	*0*	*np*	*0*
Nixon, Mark	np	0	np	0	np	0	np	0
Hudson, Jeffrey	np	0	np	0	np	0	np	0
Hitchcock, David	np	0	np	0	np	0	np	0
Frank, Frederick	np	0	np	0	np	0	np	0
Lang, Markus	np	0	np	0	np	0	np	0
Suponya, Sergey	np	0	np	0	np	0	np	0
Watrall, Rick	np	0	np	0	np	0	np	0
Frey, Wayne N	np	0	np	0	np	0	np	0
Perka, Michael F	np	0	np	0	np	0	np	0
Varney, John	np	0	np	0	np	0	np	0
Karolak, Dale W	np	0	np	0	np	0	np	0
Ranes, Evan	np	0	np	0	np	0	np	0
Poppre, Michael N	np	0	np	0	np	0	np	0
Wormack, Anthony	np	0	np	0	np	0	np	0
Pavlovich, Robert	np	0	np	0	np	0	np	0
Ellington, Jeff B	np	0	np	0	np	0	np	0
Gillham, Timothy A	np	0	np	0	np	0	np	0
Yakimenko, Andrei	16	200	39	64	18	138	np	0
Beck, Brian C	np	0	np	0	np	0	np	0
Gregory, Dean	np	0	np	0	np	0	np	0
Walting, Paul	np	0	np	0	np	0	np	0
Lingvay, Laurance S	np	0	np	0	np	0	np	0
O'Loughlin, Chris S	5	280	np	0	np	0	np	0
Ochs, Bradley	np	0	np	0	np	0	np	0
Loeffler, Carl	np	0	np	0	np	0	np	0
Evans, Allen L	np	0	np	0	np	0	np	0
Delgado Jr., Eli M	np	0	np	0	np	0	np	0
Bolduc, Patrice	*np*	*0*	*np*	*0*	*np*	*0*	*np*	*0*
Brus, Brian V	np	0	np	0	np	0	np	0
Pierro, Roger	np	0	np	0	np	0	np	0
Swanson, David	np	0	np	0	np	0	np	0
Baxter, David	np	0	np	0	np	0	np	0
Altman, Jeff H	np	0	np	0	np	0	np	0
Schindler, Sergey M	np	0	np	0	np	0	np	0
Mazzoli, Julio C	np	0	np	0	np	0	np	0
Speicher, Eric	np	0	np	0	np	0	np	0
Edwards, Tim	np	0	np	0	np	0	np	0
Baxter, Daniel J	np	0	np	0	np	0	np	0
Lipton, Michael D	np	0	np	0	np	0	np	0
O'dowd, Andrew J	np	0	np	0	np	0	np	0
Coetzee, Frans	np	0	42	61	25	124	np	0
Baer, Bryan G	np	0	np	0	np	0	np	0
Jensen, David	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V60ME

CURRENT AS OF 10/26/2026	V50 - FEB PLACE	2026 POINTS	V50 - APR PLACE	2026 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
Whitelock, James	np	0	np	0	np	0	np	0
Creten, Joachim	np	0	np	0	np	0	np	0
Kertesz, Stefan	np	0	np	0	np	0	np	0
Jeffcoat, Timothy	np	0	np	0	np	0	np	0
Hanahan, Thomas	np	0	np	0	np	0	np	0
Dew, Eric	np	0	np	0	np	0	np	0
Hayenga, Gary M	np	0	np	0	np	0	np	0
Rood, Alex	np	0	np	0	np	0	np	0
Sims, Martin	np	0	np	0	np	0	np	0
Bowser, Hamilton	np	0	np	0	np	0	np	0
Coletta, David	np	0	np	0	np	0	np	0
Fangman, Daniel	np	0	np	0	np	0	np	0
Kuhn, Jeffrey	np	0	np	0	np	0	np	0
DeLong, Mike	65	0	43	60	50	53	np	0
Koerber, Christopher	np	0	np	0	np	0	np	0
Kruger, Mark	np	0	np	0	np	0	np	0
Nemazie, David A	np	0	np	0	np	0	np	0
Wagman Robert	np	0	np	0	np	0	np	0
Moore, Michael T	np	0	np	0	np	0	np	0
Clinefelter, Dennis S	np	0	np	0	np	0	np	0
Ruggles, William	np	0	np	0	np	0	np	0
Karnavas, William	np	0	np	0	np	0	np	0
Murray, Stephen D	np	0	np	0	np	0	np	0
Hendricks, Ron	np	0	np	0	np	0	np	0
Beittel, David F	np	0	np	0	np	0	np	0
Crouch, William John	np	0	np	0	np	0	np	0
Treanor, Donald	np	0	np	0	np	0	np	0
Rifkind, Neil	np	0	np	0	np	0	np	0
Sette, Alessandro	np	0	np	0	np	0	np	0
Herrod, Christopher N	np	0	np	0	np	0	np	0
Cisneros, Robert	np	0	np	0	np	0	np	0
Hueske, David	np	0	np	0	51	52	np	0
Lonadier, Robert	np	0	np	0	np	0	np	0
Malloy, Christopher	np	0	np	0	np	0	np	0
Varon, David	np	0	np	0	58	45	np	0

np = Did not earn points (including not competing)